

CHÍNH PHỦ
Số: 83/2001/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 9 tháng 11 năm 2001

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ
Về đăng ký nghĩa vụ quân sự

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Nghĩa vụ quân sự ngày 30 tháng 12 năm 1981; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nghĩa vụ quân sự ngày 21 tháng 12 năm 1990; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nghĩa vụ quân sự ngày 22 tháng 6 năm 1994;

Căn cứ Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên ngày 27 tháng 8 năm 1996;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Nghị định này quy định đối tượng, thủ tục, trình tự đăng ký nghĩa vụ quân sự; chế độ, chính sách đối với người đăng ký nghĩa vụ quân sự và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc đăng ký nghĩa vụ quân sự.

Điều 2. Đăng ký nghĩa vụ quân sự là việc kê khai lý lịch và những yếu tố cần thiết khác theo quy định của pháp luật của người trong độ tuổi đăng ký nghĩa vụ quân sự, để cơ quan quân sự địa phương quản lý và tổ chức thực hiện quy định của pháp luật về nghĩa vụ quân sự đối với các đối tượng trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự.

Điều 3. Đăng ký nghĩa vụ quân sự phải đúng đối tượng, chế độ chính sách, trình tự thủ tục để cơ quan quân sự địa phương nắm chắc số lượng, chất lượng, tình hình biến động của người

sẵn sàng nhập ngũ và quân nhân dự bị nhằm phục vụ cho việc gọi công dân nhập ngũ và xây dựng lực lượng dự bị động viên.

Điều 4. Công dân nam giới trong độ tuổi làm nghĩa vụ quân sự; phụ nữ có chuyên môn cần cho quân đội phải đăng ký nghĩa vụ quân sự.

Sĩ quan dự bị đăng ký nghĩa vụ quân sự theo quy định của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam năm 1999.

Điều 5. Đăng ký nghĩa vụ quân sự được tiến hành tại nơi cư trú của công dân do Ban Chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) và Ban Chỉ huy quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện) chịu trách nhiệm thực hiện.

Nơi cư trú của công dân quy định trong Nghị định này thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ Luật Dân sự năm 1995.

Điều 6. Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm động viên, giáo dục, đôn đốc, tạo điều kiện để công dân chấp hành đầy đủ những quy định của pháp luật về đăng ký nghĩa vụ quân sự.

Chương II

Đối tượng đăng ký nghĩa vụ quân sự

Điều 7. Những người sau đây, trừ những người quy định tại Điều 8, Điều 9 của Nghị định này, phải đăng ký nghĩa vụ quân sự:

1. Công dân nam giới từ đủ 17 tuổi đến hết 45 tuổi.
2. Phụ nữ từ đủ 18 tuổi đến hết 40 tuổi có chuyên môn cần phục vụ cho quân đội. Danh mục ngành, nghề chuyên môn do phụ nữ đảm nhiệm cần phục vụ cho quân đội do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 8. Những người sau đây chưa được đăng ký nghĩa vụ quân sự:

1. Người đang bị Toà án tước quyền phục vụ trong các lực lượng vũ trang nhân dân.
2. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; người bị phạt tù hoặc bị phạt cải tạo không giam giữ.

Khi hết thời hạn quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thì phải đăng ký nghĩa vụ quân sự.

Điều 9. Những người sau đây được miễn đăng ký nghĩa vụ quân sự:

1. Công chức quốc phòng, công nhân quốc phòng đang phục vụ trong các cơ quan, đơn vị Quân đội nhân dân Việt Nam.
2. Người đang phục vụ trong các cơ quan, đơn vị Công an nhân dân.
3. Người tàn tật, người mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh mãn tính khác theo danh mục bệnh tật do Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định.

Điều 10. Những người đã đăng ký nghĩa vụ quân sự được sắp xếp như sau:

1. Người sẵn sàng nhập ngũ.
2. Quân nhân dự bị hạng 1 và quân nhân dự bị hạng 2.

Điều 11. Người đã đăng ký nghĩa vụ quân sự được xếp vào diện sẵn sàng nhập ngũ bao gồm:

1. Công dân nam giới từ đủ 17 tuổi đến hết 27 tuổi chưa qua phục vụ tại ngũ trong lực lượng vũ trang nhân dân.
2. Phụ nữ có chuyên môn cần cho quân đội.

Điều 12. Người đã đăng ký nghĩa vụ quân sự được xếp vào diện quân nhân dự bị hạng 1 bao gồm:

1. Hạ sĩ quan và binh sĩ xuất ngũ đã phục vụ tại ngũ đủ thời hạn hoặc trên hạn định.
2. Hạ sĩ quan và binh sĩ xuất ngũ trước thời hạn nhưng đã phục vụ tại ngũ từ một năm trở lên.
3. Hạ sĩ quan và binh sĩ xuất ngũ đã trải qua chiến đấu.
4. Quân nhân chuyên nghiệp xuất ngũ.
5. Công chức quốc phòng, công nhân quốc phòng (là hạ sĩ quan, binh sĩ đã qua phục vụ tại ngũ được chuyển chế độ công chức quốc phòng, công nhân quốc phòng) được giải quyết chế độ thôi việc.
6. Quân nhân dự bị hạng 2 đã được huấn luyện đủ chương trình chính quy với tổng thời gian huấn luyện theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự.

Điều 13. Người đã đăng ký nghĩa vụ quân sự được xếp vào diện quân nhân dự bị hạng 2 bao gồm:

1. Hạ sĩ quan và binh sĩ xuất ngũ trước thời hạn đã có thời gian phục vụ tại ngũ dưới một năm.
2. Công dân nam giới đã qua phục vụ trong các cơ quan, đơn vị công an nhân dân; công chức quốc phòng, công nhân quốc phòng là nam giới đã qua phục vụ trong quân đội nhân dân.

3. Công dân nam giới hết 27 tuổi mà chưa phục vụ tại ngũ.

4. Phụ nữ từ đủ 18 tuổi đến hết 40 tuổi, có chuyên môn cần cho quân đội theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị định này.

Điều 14. Căn cứ vào độ tuổi, quân nhân dự bị ở mỗi hạng được chia thành 2 nhóm:

1. Nhóm A bao gồm những quân nhân dự bị: Nam giới đến hết 35 tuổi; phụ nữ đến hết 30 tuổi.

2. Nhóm B bao gồm những quân nhân dự bị: Nam giới từ đủ 36 tuổi đến hết 45 tuổi; phụ nữ từ đủ 31 tuổi đến hết 40 tuổi.

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ NGHĨA VỤ QUÂN SỰ

Mục 1. đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu

Điều 15. Trong thời hạn mười ngày đầu tháng một hàng năm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải báo cáo với Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện danh sách công dân nam giới đủ 17 tuổi trong năm đó, công dân trong độ tuổi làm nghĩa vụ quân sự chưa được đăng ký nghĩa vụ quân sự và công dân được miễn đăng ký nghĩa vụ quân sự quy định tại Điều 9 của Nghị định này.

Điều 16. Trong thời hạn mười ngày đầu tháng một hàng năm, Hiệu trưởng các trường: Dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học; người đứng đầu các cơ quan, tổ chức cơ sở khác phải báo cáo với Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện nơi cơ quan đặt trụ sở danh sách công dân trong diện đăng ký nghĩa vụ quân sự mà chưa được đăng ký lần đầu.

Điều 17. Tháng tư hàng năm, theo lệnh gọi của Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện, công dân nam giới đủ 17 tuổi trong năm và những người trong độ tuổi làm nghĩa vụ quân sự chưa được đăng ký phải đến Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện nơi cư trú xuất trình chứng minh nhân dân, kê khai lý lịch để đăng ký lần đầu vào sổ đăng ký công dân sẵn sàng nhập ngũ.

Điều 18. Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện có trách nhiệm:

1. Cấp giấy chứng nhận đăng ký nghĩa vụ quân sự cho người sẵn sàng nhập ngũ.

2. Lập lý lịch nghĩa vụ quân sự cho người sẵn sàng nhập ngũ đủ điều kiện gọi nhập ngũ.

3. Bàn giao lý lịch nghĩa vụ quân sự cho đơn vị nhận quân khi công dân được gọi vào phục vụ tại ngũ.

Mục 2. đăng ký vào ngạch và chuyển hạng quân nhân dự bị

Điều 19.

1. Quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công chức quốc phòng, công nhân quốc phòng thuộc quân đội nhân dân; công nhân viên, hạ sĩ quan chuyên môn, chiến sĩ thuộc công an nhân dân thuộc diện xuất ngũ, thôi việc phải đăng ký vào ngạch dự bị.
2. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày xuất ngũ, thôi việc người được xuất ngũ, thôi việc phải mang hồ sơ, giấy tờ xuất ngũ, thôi việc đến Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện tại nơi cư trú để đăng ký vào ngạch dự bị.
3. Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện làm thủ tục đăng ký và cấp giấy chứng nhận đăng ký quân nhân dự bị cho những người quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 20.

1. Theo lệnh gọi của Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện, những người quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 13 của Nghị định này phải đến Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện nơi cư trú để đăng ký vào ngạch dự bị.
2. Khi đến đăng ký công dân nam giới xuất trình giấy chứng nhận đăng ký nghĩa vụ quân sự, nếu đã qua đào tạo ở các trường: Dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học xuất trình bằng tốt nghiệp; phụ nữ xuất trình bằng tốt nghiệp chuyên môn.
3. Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện làm thủ tục đăng ký và cấp giấy chứng nhận đăng ký quân nhân dự bị cho những người quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 21. Việc chuyển hạng quân nhân dự bị từ hạng 2 lên hạng 1 thực hiện theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự và hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Mục 3. Đăng ký bổ sung

Điều 22. Trong thời hạn mười ngày, kể từ khi có thay đổi họ tên, địa chỉ nơi ở trong phạm vi xã đang cư trú, địa chỉ nơi làm việc, học tập, chức vụ công tác, trình độ văn hoá thì người sẵn sàng nhập ngũ hoặc quân nhân dự bị phải đến Ban Chỉ huy quân sự cấp xã nơi đang cư trú để đăng ký bổ sung.